

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2025
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Oanh và ông Bùi Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Than - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX - ST ngày 17/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1989; vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Văn D trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị H kết hôn ngày 18/01/2008 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế nên hai vợ chồng cùng đi làm nhưng không tập trung một chỗ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc và vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề

ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đinh Thị H.

* Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/11/2008 và Bùi Quốc L, sinh ngày 24/01/2012. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh tại xóm N, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh chưa yêu cầu chị Đinh Thị H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Anh Bùi Văn D không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn để viết bản tự khai, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, lấy lời khai và việc tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn và không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn D. Xử cho anh Bùi Văn D ly hôn chị Đinh Thị H.

Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/11/2008 và Bùi Quốc L, sinh ngày 24/01/2012. Ghi nhận anh Bùi Văn D chưa yêu cầu chị Đinh Thị H việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Chị Đinh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Anh Bùi Văn D và chị Đinh Thị H không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 18/01/2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Anh Bùi Văn D và chị Đinh Thị H có hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/11/2008 và Bùi Quốc L, sinh ngày 24/01/2012.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ anh Bùi Văn D nộp tại Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Bùi Văn D và chị Đinh Thị H, đăng ký ngày 18/01/2008, kèm theo cải chính hộ tịch (Bản chính); căn cước công dân mang tên Bùi Văn D (bản sao); giấy khai sinh của con chung mang tên Bùi Thị Hương G và Bùi Quốc L (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với chị Đinh Thị H; địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện T, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần, đã thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, lập biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn D và chị Đinh Thị H kết hôn ngày 18/01/2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn D đối với chị Đinh Thị H: Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh D, chị H tại xóm N, xã M và gia đình chị H, kết quả xác minh cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh D. Năm 2016, anh chị xảy ra mâu thuẫn vợ chồng sau đó sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị H đi làm, mỗi lần về thăm gia đình thì về nhà mẹ đẻ ở xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình, không về gia đình chồng và tham gia các hoạt động của xóm N, xã M từ đó cho đến nay (Bút lục 20, 43, 44, 45). Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Anh Bùi Văn D và chị Đinh Thị H có hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/11/2008 và Bùi Quốc L, sinh ngày 24/01/2012. Hiện nay, con chung đang ở với anh D. Xét yêu cầu được nuôi con của anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của chị H. Con chung của anh D, chị H đang sinh sống ổn định với anh D tại xóm N, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị H thỉnh thoảng có gửi quà cho các con nhưng không hỗ trợ kinh tế với anh D để nuôi con chung. Do vậy, đề nghị của anh D cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho anh D được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận anh Bùi Văn D chưa yêu cầu chị Đinh Thị H việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Bùi Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh Bùi Văn D và chị Đinh Thị H không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí: Anh Bùi Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Bùi Văn D. Xử cho anh Bùi Văn D ly hôn chị Đinh Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/11/2008 và Bùi Quốc L, sinh ngày 24/01/2012. Anh Bùi Văn D chưa yêu cầu chị Đinh Thị H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Đinh Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Bùi Văn D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000694 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hoà (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 18/3/2008)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Doanh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Mên – Bùi Thị Oanh

Trần Hữu Doanh

